

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/ 2021/HC-PT

Ngày: 12 - 5 - 2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán:

Ông **Đặng Văn Lộc**

Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yến** là thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Hồ Nguyên Vũ** -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử
phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2021/TLPT-HC
ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc *khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực
quản lý thuế*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2021/HC-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020
của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/ 2021/QĐPT-HC ngày
14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh **Phan Nhựt B**, sinh năm 1974. Địa chỉ: số 248/17 ấp
Ng, xã Ph, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Là chủ doanh nghiệp tư nhân B (đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp theo Quyết định số QĐTH/58950 ngày 10/01/2019 của Phòng Đăng ký kinh
doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Xuân
M**, Luật sư của Văn phòng luật sư B thuộc Đoàn Luật sư Tp. Cần Thơ.

2. Người bị kiện: **Chi cục thuế huyện H nay là Chi cục thuế khu vực I**. Địa chỉ
trụ sở: Số 33/1, đường 3/2, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Thành L**, chức vụ: Phó chi cục trưởng, là
người đại diện theo ủy quyền (văn bản số 02/GUQ-CCTKV ngày 18/3/2021)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Trần Bá D**, chức vụ: Phó Đội trưởng Đội kiểm tra thuế số 2, Chi cục thuế khu vực I.

3. *Người kháng cáo:* Anh Phan Nhựt B là người khởi kiện; Chi cục thuế khu vực I là người bị kiện

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2019, ngày 09/12/2019, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2020, ngày 25/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là anh Phan Nhựt B, chủ doanh nghiệp tư nhân B (đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QĐTH/58950 ngày 10/01/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long) trình bày:

Ngày 10/12/2009, Chi cục thuế huyện H (nay là Chi cục thuế khu vực I) lập biên bản vi phạm pháp luật về thuế đối với Doanh nghiệp tư nhân B (viết tắt DNTN B) với lý do DNTN B đã sử dụng 03 hóa đơn ký hiệu AR/2009N kê khai thuế GTGT đầu vào tháng 5/2009 là những hóa đơn của Công ty TNHH Đ (địa chỉ huyện M, Tp. Hồ Chí Minh) bỏ trốn mang theo, không kê khai thuế nên đã vi phạm Điều 14, khoản 1, điểm c của Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 7/6/2007 quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, đề nghị DNTN B nộp số tiền thuế giá trị gia tăng là 159.000.000đ của Công ty TNHH Đ vào tài khoản gửi số 921.03.03.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện H và ra biên bản phạt 10% số thuế thiếu bằng 5.900.000đ, phạt 0,005% trên số thuế chậm tiền nộp là 14.151.000đ. Tổng cộng: 189.051.000đ.

Ngày 15/12/2009, anh B đã nộp số tiền 189.051.000đ vào tài khoản tạm gửi của Chi cục thuế tại Kho bạc nhà nước huyện H.

Ngày 18/12/2009, Chi cục thuế huyện H ban hành Quyết định số 269/QĐ-CCT về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế số tiền 189.051.000đ gồm các khoản trên.

Ngày 15/01/2010, Chi cục thuế huyện H ra tiếp biên bản vi phạm pháp luật về thuế đối với DNTN B số tiền 382.896.670đ do có liên quan hóa đơn GTGT của công ty Nhật Lâm (cùng địa chỉ huyện M, Tp Hồ Chí Minh) và chuyển cơ quan cảnh sát điều tra.

Ngày 15/01/2010, Chi cục thuế huyện H ban hành Quyết định số 20/QĐ-CCT xử phạt với số tiền 957.241.675 (chưa nộp).

Không đồng ý, anh B đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H nhưng đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết do Chi cục thuế huyện H ban hành Quyết định số 09/QĐ-CCT ngày 14/01/2011 về việc Hủy bỏ Quyết định số 269/QĐ-CCT và Quyết định số 20/QĐ-CCT.

Sau đó, Chi cục thuế chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H điều tra do có dấu hiệu hình sự.

Anh Phan Nhựt B đề nghị khôi phục mã số thuế nhưng Chi cục thuế có công văn số 12/CCT-NV-TT-NT-KK-KTT&TH ngày 07/02/2017 và công văn ngày 12/3/2018, về việc chưa khôi phục mã số thuế cho doanh nghiệp, chờ kết quả xử lý của cơ quan chức năng.

Ngày 06/06/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H ban hành Quyết định số 16 không khởi tố vụ án do hành vi không cấu thành tội phạm.

Ngày 22/8/2019, anh Phan Nhựt B làm đơn khiếu nại, yêu cầu Chi cục thuế bồi thường thiệt hại do hành vi không cung cấp hóa đơn cho doanh nghiệp hoạt động.

Ngày 08/11/2019, Chi cục thuế huyện H ra Thông báo số 10831/TB - CCT về việc hết thời hạn khiếu nại nên không thụ lý giải quyết yêu cầu của anh B.

Anh B có đơn yêu cầu Chi cục thuế huyện H trả số tiền 189.051.000đ và tính lãi suất.

Ngày 16/8/2019, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện H ra hành Quyết định số 389/QĐ-CCT về việc hoàn thuế nộp thừa với số tiền 154.596.189đ sau khi trừ tiền thuế mà DNTN B còn nợ lại.

Không đồng ý với quyết định của Chi cục thuế, anh Phan Nhựt B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 389/QĐ-CCT ngày 16/8/2019 của Chi cục thuế huyện H. Đồng thời, buộc Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện H phải trả tiền lãi của số tiền 189.051.000đ đã nộp phạt theo biên bản vi phạm pháp luật về thuế ngày 10/12/2009 và Quyết định số 269/QĐ-CCT ngày 18/12/2009 của Chi Cục thuế huyện H v/v xử lý vi phạm về thuế, tính từ ngày 15/12/2009 đến ngày 16/8/2019 là 116 tháng lãi suất 20%/năm x 189.051.000đ = 365.498.600đ

- Hủy Thông báo số 10831/TB-CCT ngày 08/11/2019 vì đã vi phạm nghiêm trọng Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc Hội. Buộc Chi cục thuế phải trả thu nhập bị mất từ tháng 06/2009 đến 11/2019 do không bán hóa đơn cho doanh nghiệp của anh B theo mức bình quân từ tháng 03/2007 đến 05/2009 mà doanh nghiệp đã kê khai đóng thuế là 10.018.000đ/tháng x 125 tháng = 1.252.250.000đ. Tiền bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần 3.250.000đ/tháng x 125 tháng = 406.250.000đ. Tổng số tiền là 1.658.500.000đ.

- Buộc Chi cục thuế khu vực I bồi thường thêm chi phí phát sinh thu nhập thực tế bị mất mỗi tháng là 10.018.000đ và tiền bồi thường tổn thất tinh thần mỗi tháng là 3.250.000đ từ ngày 20/11/2019 đến khi bản án có hiệu lực

- Buộc Chi cục thuế bồi thường thêm chi phí thuê luật sư 100.000.000đ.

Tại văn bản số 388/CCT-KTT2 ngày 03/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Chi cục thuế huyện H do người đại diện hợp pháp trình bày: DNTN B có vi phạm nhiều vụ việc chứ không phải là không vi phạm nên đòi bồi thường là không đúng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người bị kiện cũng đã trình bày nội dung vụ việc, căn cứ pháp lý để chứng minh cho việc lập biên bản, ban hành quyết định, thông báo là có căn cứ và hợp pháp.

Tại bản án hành chính số 01/2020/HCST ngày 14/10/2020, Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 193 và 194 của Bộ luật tố tụng hành chính; Khoản 2 Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 9 Luật Khiếu nại, tố cáo; Điều 29 Nghị định 98/2007/NĐ-CP, ngày 07/6/2007 của Chính phủ; Các Điều 2, 7, 15, 17, 22, 23, 24, 27, 28, 29, 40, 52, và 76 của Luật bồi thường trách nhiệm nhà nước;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu về việc hủy Quyết định số 389/QĐ-CCT về việc hoàn thuế nộp thừa với số tiền 154.596.189đ, ngày 16/8/2019 của Chi cục trưởng chi cục thuế huyện H.

2. Buộc chi cục thuế khu vực I trả khoản lãi anh Phan Nhựt B là: 363.827.000đ (Ba trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

3. Hủy Thông báo số 10831/TB - CCT ngày 08/11/2019 về việc hết thời hạn khiếu nại nên không thụ lý giải quyết của Chi cục thuế huyện H.

4. Buộc Chi cục thuế khu vực I phải trả anh Phan Nhựt B số tiền thuê luật sư là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Nhựt B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần: 442.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi hai triệu đồng).

6. Buộc Chi cục thuế khu vực I phải trả anh Phan Nhựt B số tiền mất thu nhập 544.478.000đ (Năm trăm, bốn mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

7. Không chấp yêu cầu của anh Phan Nhựt B về việc yêu cầu Chi cục thuế huyện H nay là chi cục thuế khu vực I công khai xin lỗi anh Phan Nhựt B.

8. Về án phí: Buộc anh B nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Anh B đã nộp tạm ứng trước 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005455 ngày 25/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H nên được trừ. Hoàn trả lại anh B tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005456 ngày 25/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Buộc Chi cục thuế khu vực I nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu tiền án phí bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại đơn kháng cáo ngày 28/10/2020, người khởi kiện là anh Phan Nhật B trình bày: kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, các quyết định về thuê luật sư, tổn thất tinh thần, mất thu nhập. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc Chi cục thuế H (nay là Chi cục thuế khu vực I) phải trả tiền thuê luật sư: 100.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 442.000.000 đồng; thiệt hại mất thu nhập từ 01/6/2009 đến 30/9/2020 là 135 tháng x 10.018.000đ/tháng = 1.352.430.000 đồng. Tổng cộng 3 khoản: 1.894.430.000 đồng.

Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm hoàn toàn không phù hợp với Luật quản lý thuế Điều 112 và 113; Điều 22, 23, 24 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

Tại đơn kháng cáo ngày 28/10/2020, người bị kiện là Chi cục thuế khu vực I trình bày: kháng cáo bản án sơ thẩm về nội dung trả tiền lãi của số tiền 189.051.000 đồng bằng 363.827.388 đồng; bồi thường thiệt hại số tiền 544.478.000 đồng; trả tiền thuê luật sư 50.000.000 đồng; hủy Thông báo số 10831/TB-CCT ngày 08/11/2019. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Lý do kháng cáo: Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ.

Tại Quyết định kháng nghị số 250/QĐ-VKS-HC ngày 13/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị theo hướng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 241 Luật TTHC sửa toàn bộ bản án sơ thẩm. Không thụ lý giải quyết Thông báo số 1083/TB-CCT ngày 08/11/2019 của Chi cục thuế huyện H và bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Lý do kháng nghị: Bản án sơ thẩm đã có những vi phạm, thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ, nhận định nội dung vụ án và áp dụng pháp luật. Thông báo 1083/TB-CCT ngày 08/11/2019 không phải là đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 30 Luật TTHC; DNTN B có vi phạm pháp luật hành chính về việc mua bán hóa đơn bất hợp pháp nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ yêu cầu kháng nghị nhưng có điều chỉnh về lỗi đánh máy.

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày: Yêu cầu chi cục thuế phải bồi thường (1) tiền thuê luật sư (2) mất thu nhập (3) tiền tổn thất tinh thần do danh dự, uy tín bị xâm phạm với tổng số tiền 1.894.430.000 đồng. Lý do kháng cáo: Cả 03 khoản bồi thường này đều do quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 269/QĐ-CCT ngày 18/12/2009 và hành vi không xuất hóa đơn, hành vi cố tình vi phạm pháp luật, chuyển cơ quan cảnh sát điều tra nhiều lần, thời gian điều tra kéo dài làm doanh nghiệp không thể hoạt động. Đối với yêu cầu hoàn tiền thuế nộp thừa là do phải viết theo mẫu của Chi cục thuế chứ thực chất đây là tiền xử phạt sai.

Tuy nhiên, trong phần tranh tụng, người khởi kiện đã rút lại yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng thuê luật sư do tự nhận thấy không có căn cứ.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày: DNTN B có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự nên Chi cục thuế đã chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát điều tra. Do trong thời gian điều tra nên không thể xử lý vi phạm về thuế do Luật xử lý vi phạm hành chính không cho phép. Về nội dung khởi kiện, Quyết định số 389/QĐ-CCT hoàn thuế nộp thừa. Do số tiền nộp tại kho bạc bằng tài khoản tạm gửi nên không phát sinh tiền lãi. Thông báo số 10831/TB – CCT không phải là quyết định hành chính do tại thời điểm ban hành thông báo, DNTN B không tồn tại nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ. Đối với nội dung khiếu nại cơ quan thuế không bán hóa đơn, nếu đó là hành vi hành chính thì đã quá 10 năm, không còn thời hiệu khiếu kiện. Về yêu cầu tiền luật sư là không có căn cứ vì nếu không có luật sư thì Tòa án vẫn thụ lý, giải quyết.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất và không thống nhất

1. Vấn đề thống nhất:

- Đối tượng khởi kiện: Quyết định số 389/QĐ-CCT ngày 16/8/2019 của Chi cục thuế huyện H về việc hoàn thuế. Người khởi kiện thống nhất, không kháng cáo.

- Người khởi kiện rút một phần kháng cáo, một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 100.000.000 đồng chi phí luật sư được người bị kiện đồng ý.

2. Vấn đề không thống nhất

- Người khởi kiện xác định Thông báo số 10831/TB - CCT ngày 08/11/2019 của Chi cục thuế huyện H về việc hết thời hạn khiếu nại nên không thụ lý giải quyết đã ảnh hưởng quyền khiếu nại vì nếu không được giải quyết khiếu nại trước thì không được khởi kiện vụ án hành chính. Tuy nhiên, người bị kiện xác định Thông báo số 10831/TB – CCT chỉ là văn bản hành chính thông thường, không ảnh hưởng đến quyền của anh B.

- Về vấn đề bồi thường thiệt hại. Người khởi kiện xác định thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo là do Quyết định số 269/QĐ-CCT ngày 18/12/2009 về việc xử phạt vi phạm hành chính và hành vi không bán hóa đơn, cố tình chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra dẫn đến thời gian điều tra kéo dài là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại. Tuy nhiên, người bị kiện không đồng ý vì Quyết định số 269/QĐ-CCT đã bị thu hồi. Hành vi không bán hóa đơn không bị khởi kiện. Việc điều tra kéo dài không phải do lỗi của cơ quan thuế.

Vị kiểm sát viên phát biểu quan điểm

Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 203, 220, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, kháng cáo của người bị kiện. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

- Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Phan Nhựt B.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí hành chính và buộc người khởi kiện phải nộp án phí dân sự do yêu cầu bồi thường không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 389/QĐ-CCT ngày 16/8/2019 của Chi cục thuế huyện H về việc hoàn thuế, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi giải quyết vụ án hành chính đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tuy nhiên, về tư cách tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm quyết định nhập vụ án do có đơn khiếu kiện quyết định hoàn thuế của Chi cục trưởng Chi cục thuế với Thông báo không thụ lý khiếu nại của Chi cục thuế nhưng không đưa Chi cục trưởng Chi cục thuế tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện do có liên quan thẩm quyền hoàn thuế nộp thừa, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục thuế theo quy định của Luật thuế, Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật khiếu nại là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Nhưng xét, người đại diện theo pháp luật của Chi cục thuế và Chi cục trưởng Chi cục thuế đã có văn bản trình bày ý kiến, đồng thời, người đại diện hợp pháp của Chi cục thuế cũng chính là người đại diện hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục thuế nên không ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chính là các quyết định hành chính bị khởi kiện (nêu cụ thể tên thông báo và quyết định) dẫn đến không xác định rõ quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước cụ thể nào nên cần phải điều chỉnh.

[2] Về nội dung

[2.1] Đối với kháng cáo của người khởi kiện

[2.1.1] Về yêu cầu bồi thường chi phí luật sư bằng số tiền 100.000.000 đồng. Trong phần tranh tụng, người khởi kiện rút yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và được sự thống nhất của người bị kiện nên chấp nhận việc rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi kiện, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với nội dung này theo quy định tại Điều 234 Luật tố tụng hành chính.

[2.1.2] Về tổn thất tinh thần số tiền 442.000.000 đồng và tiền mất thu nhập 1.352.430.000 đồng. Tại phiên tòa, người khởi kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện xác định các khoản thiệt hại này đều do Quyết định số 269/QĐ-CCT ngày 18/12/2009 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện H về việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế, nhưng quyết định này đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 09/QĐ-CCT ngày 14/01/2011 của Chi cục thuế (Biên bản công bố quyết định ngày 14/01/2011). Đồng thời, người khởi kiện cũng cho rằng hành vi hành chính không bán hóa đơn trong thời gian 2011-2019, hành vi chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra trong thời gian dài là nguyên nhân trực tiếp gây thiệt hại. Tuy nhiên, Quyết định số 269/QĐ-CCT ngày 18/12/2009 không còn và hành vi hành chính nêu trên của Chi cục thuế đã không bị khởi kiện nên đều không là đối tượng khởi kiện trong vụ án. Do vậy, kháng cáo của người khởi kiện về bồi thường thiệt hại lại không do đối tượng khởi kiện là Thông báo số 10831/TB - CCT ngày 08/11/2019 và Quyết định số 389/QĐ-CCT ngày 16/8/2019 của Chi cục thuế huyện H về việc hoàn thuế gây ra nên không được chấp nhận theo quy định tại Điều 7 Luật tố tụng hành chính. Đồng thời, tại Công văn số 93/CSĐT ngày 27/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H xác định: *Từ 2008-2009, Phan Nhựt B đã mua 33 hóa đơn của nhiều công ty tại nhiều địa phương khác nhau có giá trị đầu vào là 1.658.929.670 VNĐ. Với tài liệu thu thập được, hành vi của Phan Nhựt B có dấu hiệu trốn thuế. Tuy nhiên, việc điều tra, xác minh những công ty bán hóa đơn cho Phan Nhựt B không chứng minh được. Lý do, những công ty này đã giải thể, bỏ địa chỉ, hơn nữa thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H thông báo cho Chi cục thuế huyện H biết để xử lý số tiền tạm giữ của DNTN B theo quy định của pháp luật.* Vì vậy, việc người khởi kiện trình bày không có vi phạm để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của người bị kiện

Về số tiền lãi 363.387.000 đồng, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 389/QĐ-CCT ngày 16/8/2019 của Chi cục thuế huyện H về việc hoàn thuế nộp thừa, người khởi kiện thống nhất không kháng cáo nội dung này. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại buộc chi cục thuế khu vực I trả khoản lãi cho anh Phan Nhựt B với số tiền 363.827.000 đồng phát sinh từ tiền hoàn thuế theo quyết định số 389/QĐ-

CCT là có mâu thuẫn, không đảm bảo điều kiện về bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 7 Luật tố tụng hành chính.

Đối với số tiền mất thu nhập 544.478.000 đồng, án sơ thẩm buộc Chi cục thuế phải bồi thường. Tuy nhiên, số tiền này không phải là thiệt hại thực tế có quan hệ nhân quả, do lỗi của Chi cục thuế trực tiếp gây ra bởi việc ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện là Thông báo số 10831/TB - CCT ngày 08/11/2019 và Quyết định số 389/QĐ-CCT ngày 16/8/2019 như nhận định tại mục [2.1.2] nên kháng cáo của người bị kiện là có cơ sở.

[2.3] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc xác định Thông báo số 10831/TB - CCT ngày 08/11/2019 của Chi cục thuế huyện H không phải là đối tượng khởi kiện là có căn cứ nếu Thông báo này chỉ có nội dung trả lời không thụ lý giải quyết khiếu nại vì đã hết thời hiệu. Nhưng ngoài nội dung trên, Thông báo số 10831/TB – CCT ngày 08/11/2019 lại có nội dung thay thế Thông báo số 8132/TB-CCT ngày 29/8/2019 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại nên đã ảnh hưởng đến quyền khiếu nại, thỏa dấu hiệu của quyết định hành chính bị khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện trình bày lý do khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 10831/TB – CCT vì ảnh hưởng quyền khởi kiện bởi người khởi kiện cho rằng, nếu không được giải quyết khiếu nại thì không được quyền khởi kiện vụ án hành chính, nhưng thực tế Tòa án không thụ lý do người khởi kiện đã không khởi kiện quyết định số Quyết định số 269/QĐ-CCT ngày 18/12/2009 và hành vi không xuất hóa đơn. Đồng thời, theo quy định tại Điều 5, Điều 115 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án và còn thời hiệu mà không phải qua điều kiện tiền tố tụng là phải giải quyết khiếu nại trước. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Thông báo số 10831/TB – CCT là không có căn cứ. Kháng nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là có cơ sở.

[2.4] Với nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và sửa án sơ thẩm.

[3] Về án phí

[3.1] Án phí sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận theo quy định tại Điều 348 Luật tố tụng hành chính; các điều 32, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể, số tiền tính án phí dân sự sơ thẩm phải nộp do yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản không được chấp nhận là

$1.352.430.000đ + 363.837.000đ = 1.716.267.000$ đồng. Về số tiền 442.000.000 đồng tổn thất tinh thần, người khởi kiện trình bày là số tiền cá nhân chủ DNTN bị ảnh hưởng danh dự, uy tín nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vậy án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là $36.000.000đ + (3\% \times 916.267.000đ) = 63.488.000$ đồng. Tổng cộng án phí sơ thẩm phải nộp: 63.788.000 đồng nhưng được trừ tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 và các điều 3, 5, 7, 30, 115, 234, 193, 348, 349 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 3 Luật khiếu nại năm 2011; các điều 47, 103, 116 Luật quản lý thuế năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012); Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Thông tư số 61/2007/TT-TCT ngày 14/6/2007 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về thuế; Quyết định 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Chi cục thuế thuộc Cục thuế; Quyết định số 178/QĐ-TCT ngày 25/02/2019 của Tổng cục thuế về việc ban hành quy trình giải quyết đơn khiếu nại tại cơ quan thuế các cấp.

Căn cứ các điều 12, 32, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 01/HC-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện H và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại chi phí luật sư số tiền 100.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Sửa Bản án sơ thẩm số 01/HC-ST ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.
Tuyên xử:

2.1. Bác đơn khởi kiện của anh Phan Nhứt B, chủ doanh nghiệp tư nhân B (đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QĐTH/58950 ngày 10/01/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long), về việc yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 389/QĐ-CCT ngày 16/8/2019 của Chi cục thuế huyện H về việc hoàn thuế nộp thừa.

- Thông báo số 10831/TB – CCT của Chi cục thuế huyện H về việc hết thời hạn khiếu nại nên không thụ lý giải quyết.

2.2. Không chấp nhận khởi kiện của anh Phan Nhựt B, về việc yêu cầu buộc Chi cục thuế huyện H (nay là Chi cục thuế khu vực I) bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng: 2.158.267.000 đồng. Bao gồm:

- Tiền lãi của số tiền hoàn thuế: 363.837.000 đồng
- Tổn thất tinh thần do danh dự, uy tín bị xâm phạm: 442.000.000 đồng
- Tiền mất thu nhập: 1.352.430.000 đồng.

3. Án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Buộc người khởi kiện, anh Phan Nhựt B phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 63.488.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 63.788.000 đồng nhưng được trừ vào 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo các Biên lai số 0005455 ngày 25/12/2019, số tiền 300.000 đồng; Biên lai số 0005456 ngày 25/12/2019, số tiền 300.000 đồng; Biên lai số 0006206 ngày 28/10/2020, số tiền 300.000 đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Người khởi kiện, người bị kiện không phải nộp.

3.3. Trả lại cho người bị kiện, Chi cục thuế huyện H (nay là Chi cục thuế khu vực I) tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 006193 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM: 01;
- Chánh án: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND H.H: 01;
- VKSND H.H: 01;
- Chi cục THADS H.H: 01;
- Đường sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Lâm Triệu Hữu